TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/ HNGĐ- ST
Ngày 16/7/2019
V/v "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà **Bùi Thị Kim Hiền**

2- Bà **Nguyễn Thị Lâm**

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Đào Thị Anh Nhinh** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16/7/2019 tại trụ sở TAND huyện Phù Ninh - tỉnh Phú Thọ, TAND huyện Phù Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26 ngày 13/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thu T - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 4, xã V, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Hôm nay, vắng mặt. Có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu 4, xã V, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Hôm nay vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai tiếp theo chị Đặng Thị Thu T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T1 được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V năm 2007. Sau kết hôn vợ chồng ra ở riêng, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 chơi bời không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Khi mâu thuẫn vợ

chồng xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh T1 không thay đổi. Chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không thể tiếp tục chung sống được, chị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T2 - sinh ngyà 15/3/2008, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T2 và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đều không có.

***** Đối với anh Nguyễn Văn T1: Đã được tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vắng mặt nên không có lời khai Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}Chị Đặng Thị Thu T làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 và và yêu cầu giải quyết về phần con chung khi ly hôn. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

{2}Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Phú Thọ là phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo chị T trình bày vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do anh T1 chơi bời không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh T1 không thay đổi, chị thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, chị xin được ly hôn với anh T1. Về phía anh T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và gửi các văn bản tố tụng cho anh T1 để anh T1 thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng anh T1 không có mặt.

Theo biên bản làm việc ngày 28/3/2019 tại UBND xã V đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh T1 được tự do tìmd hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V năm 2007, sau kết hôn anh chị ra ở riêng, trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát xinh mâu thuẫn do anh T1 chơi bời, không tu chí làm ăn. UBND xã V được biết thời gian gần đây chị T có làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh để xin ly hôn anh T1. UBND xã có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp nhận chứng cứ công khai và hòa giải. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng trên UBND xã V có cử cán bộ đưa thư đến giao trực tiếp cho anh T1. Tuy nhiên anh T1 đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại gia đình nên không giao được trực tiếp cho anh T1.

Tại biên bản làm việc ngày 28/3/2019 tại gia đình bà Nguyễn Thị T3 – sinh năm 1951; địa chỉ: khu 4, xã V, huyện P, tỉnh Phú Thọ (là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn

T1) cho biết: năm 2007 gia đình bà tổ chức xây dựng hạnh phúc gia đình cho chị T và anh T1. Sau kết hôn anh chị ra ở riêng tại khu 4, xã V. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Khi anh chị sảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm. Nay chị T làm đơn xin ly hôn gia đình mong muốn cho anh chị về đoàn tụ, còn chị T vẫ giữ nguyên quan điểm xin ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo pháp luật. Vì hiện nay do điều kiện công việc của anh T1 đang đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại gia đình và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T1 được vắng mặt tại Tòa án. Bà T3 cho biết anh T1 biết việc chị T xin ly hôn và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin được xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn với anh T1 vì tình cảm vợ chồng không còn và xin được nuôi con chung. Như vậy có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên xử cho chị T được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

{3} Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu là cháu Nguyễn Đức T2 - sinh ngày 15/3/2008, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T2 và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 thường xuyên không có mặt tại địa phương, không có lời khai và cũng không hòa giải được nên không thể hiện được về phần con chung. Hiện nay cháu Nguyễn Đức T2 đang ở với chị T, để đảm bảo quyền lợi về nuôi con cần giao cháu Nguyễn Đức T2 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

{4} Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị T xác nhận vợ chồng đều không có. Do anh T1 vắng mặt nên không có lời khai, tòa án không đặt ra xem xét.

{5} Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKS nhân dân huyện Phù Ninh có quan điểm: vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại điện VKS đề nghị Tòa án xử cho chị Đặng Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức T2; Về tài sản chung, nợ chung, công sức: không đặt ra xem xét; Về án phí: chị T phải chị án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{6} Về án phí: Chị Đặng Thị Thu T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Cho chị Đặng Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T1 ly hôn.

*** Về con chung:** giao cho chị Đặng Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Đức T2 - sinh ngày 15/3/2008 đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị Thu T.

Hai bên đều có quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung, nợ chung, công sức:** không xem xét giải quyết.

*** Về án phí:** Chị Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002225 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để đề nghị tòa án xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: HS-VP (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân